

非漢字系日本語学習者のための
漢字の字形認識と書字の指導法

Learn KANJI Shapes With 6 Alphabets & 4 Numbers!

KANJI in 6&4

アルファベットと数字で学ぶ漢字のかたち

Step 1

Kコード

－ 漢字のアルファベット・コード －

SINOUSY EMAN TAHA 2023

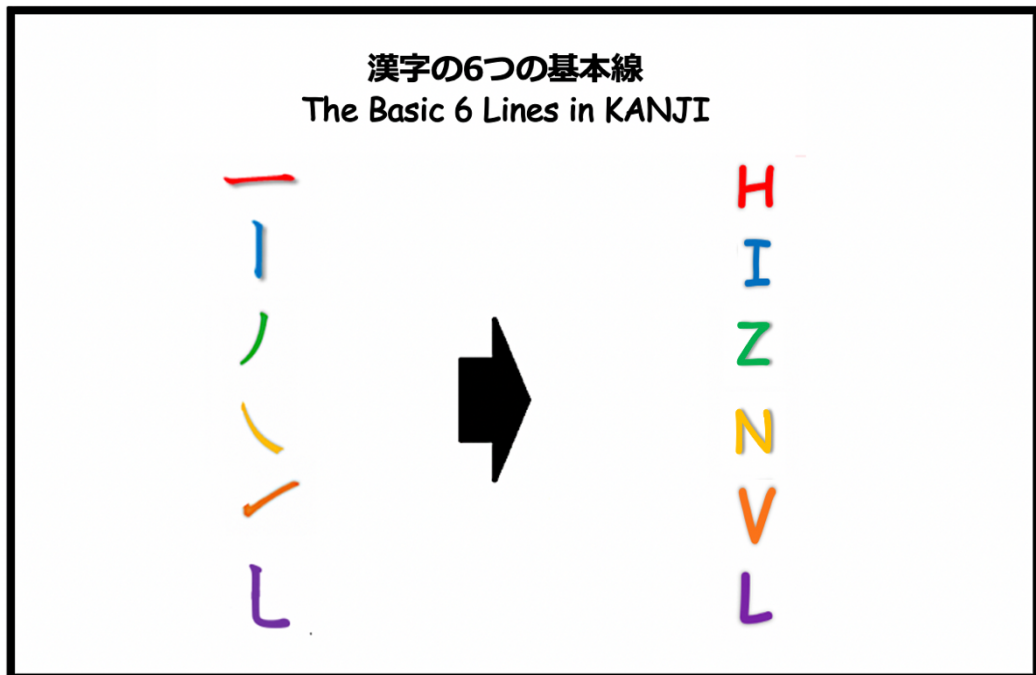
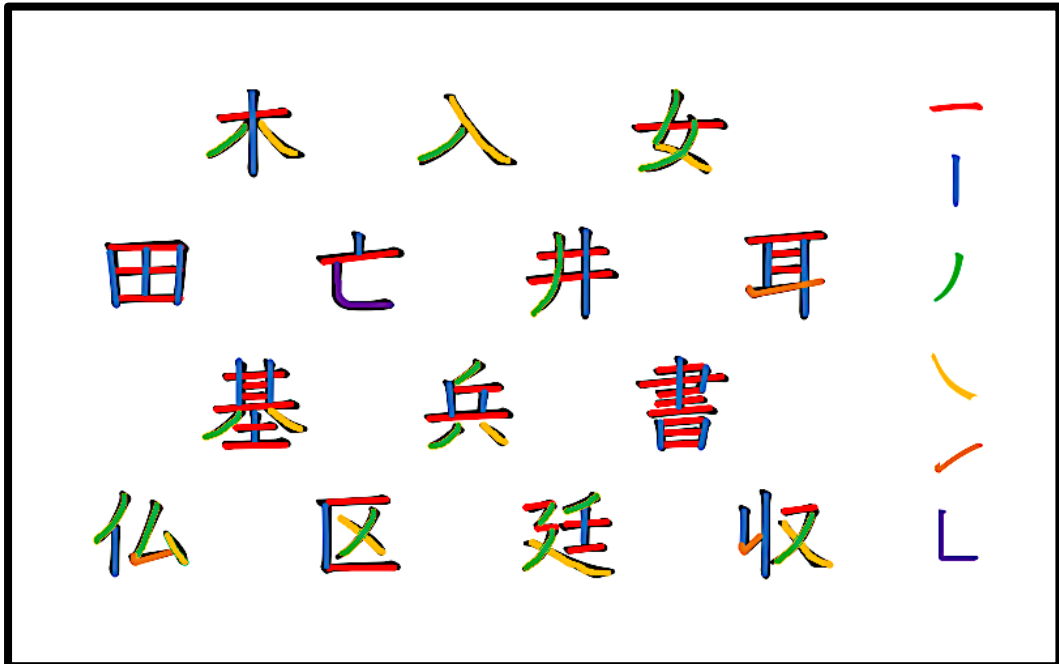
シヌーシ・イマーン・タハ



Kコード：基本線

The Main 6 Lines in KANJI & Their ALPHABET CODE

その1：6つの基本線きほんせんとアルファベット・コード

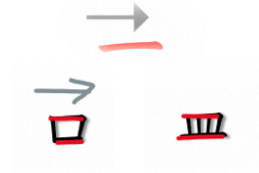


基本線の特徴と書き方

How to write the Basic Lines of KANJI



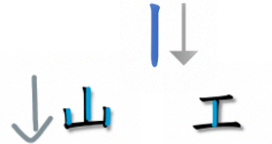
H : 中央の水平線
(H)



同じ太さでしっかり止める
Straight line with clear end



I : 中央の垂直線
(I)



Z : 斜線の傾き
(Z)



止めずにはらう斜めの曲線
Curvy line with unclear end



N : 斜線の傾き
(N)



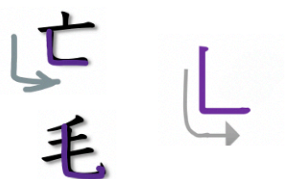
V : 書き方の特徴
(V)



下から右上にはらう
Down to up with unclear end



L : 角のないL
(L L)



上から右下に曲げて止める
Alphabet "L" with a curved corner
With clear start & end point.

Let's practice...

I. アルファベット・コード (Alphabet codes) :

例: 工 = - | - = HIH

1. イ = ノ | =

2. 大 = - ノ へ =

3. 七 = - L =

4. 又 = - ノ へ =

5. 斗 = | 一 | =

6. 日 = | - | - - =

II. 書き方 (How to write) :

例: 四 = | - | ノ L - = IHIZLH

7. 木 = = HIZN

8. 千 = = ZHI

9. 川 = = ZII

10. 九 = = ZHL

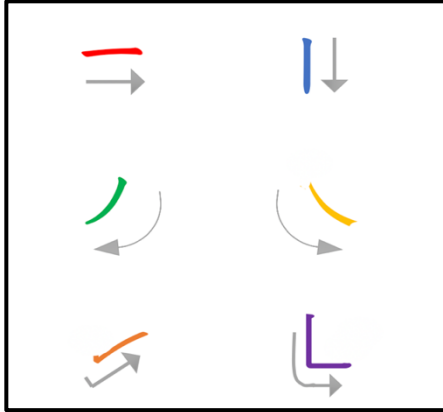
11. 女 = = ZNZH

12. 耳 = = HIHHVI

Kコード：下線

One Stroke Rule - Underline code

その2：1画ルールと下線コード

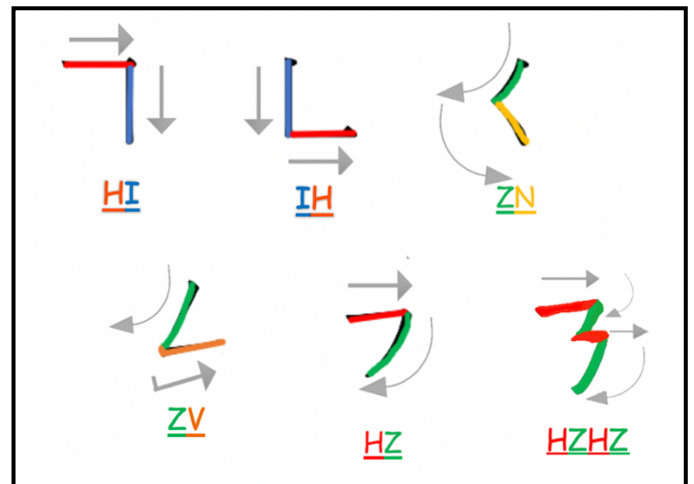


- 基本線には、始点と終点があります。
- 基本線は、書き始めの位置と書く方向が決まっています。
- 基本線の書き方にはルールがあります。
- Every Basic line have a start and end point to write!

- 1画ルール：基本線の終わりが、次の基本線の始めになるときは、続けて書きます。
- 続けて書く線のコードに下線を引きます。

- When the End point of one Basic line becomes the Start point for the next line, we write them in 1 Stroke and...

Underline the Alphabet codes!



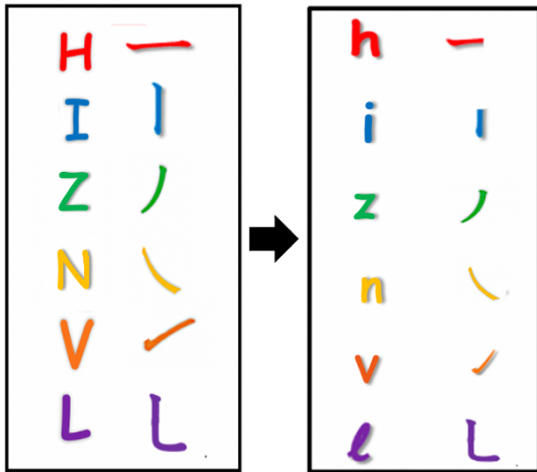
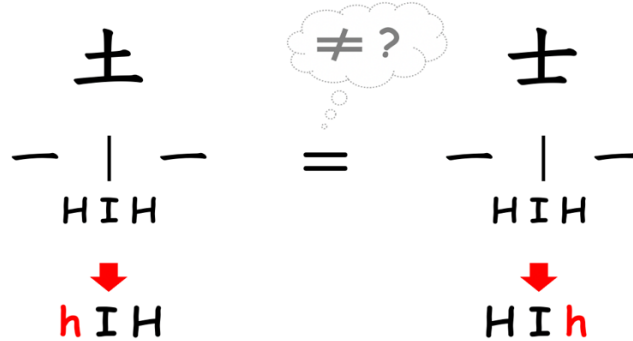
Ⅲ. 下線 (Underline) :

- | | | | | | |
|-----|---|---|-------|---|------------|
| 4. | 又 | = | 一ノノ | = | <u>HZN</u> |
| 5. | 凵 | = | 丨一丨 | = | IVI |
| 6. | 日 | = | 丨一丨一一 | = | IHIHH |
| 10. | 九 | = | ノ一ノ | = | ZHL |
| 11. | 女 | = | ノノノ一 | = | ZNZH |

Kコード：オプション（小さいサイズ）

Small Options - Small letters

その3：小さいサイズ・オプション



$$\text{止} \rightarrow I + \left(\frac{1}{2}H\right) + \left(\frac{1}{2}I\right) + H$$

\downarrow \downarrow
 h i

$$\text{父} \rightarrow \left(\frac{1}{2}Z\right) + \left(\frac{1}{2}N\right) + Z + N$$

\downarrow \downarrow
 z n

IV. 小さいサイズ・オプション (Small Option) :

4. 又 = HZN → hZN

5. 𠂇 = iVI →

8. 千 = ZHI →

9. 川 = ZII →

13. 人 =

14. 入 =

15. 山 =

16. 牛 =

Kコード：オプション（ハネ）

Wing Options - w code

その4：ハネ・オプション

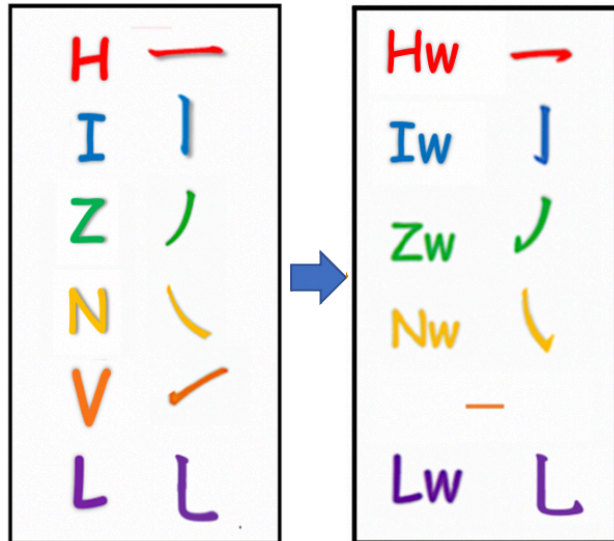
カ = 一ノノ = HZ?Z
↓
HZWZ

千 = hHI

子 = hHIw

3. 七 = HL

10. 九 = ZHLw



V. ハネ・オプション (Wing Option) :

例. 小 = Iwzn

17. 水 =

18. 子 =

19. 元 =

20. 心 =

VI. カタカナ (KATAKANA):

シ = nnV

ク =

ウ =

ツ =

タ =

ワ =

ン =

テ =

ム =

ソ =

チ =

マ =

ノート・Notes :

こたえ・Answers

I. アルファベット・コード (Alphabet codes) :

- | | | |
|----------|----------|--------------|
| 1. Z I | 3. H L | 5. I V I |
| 2. H Z N | 4. H Z N | 6. I H I H H |

II. 書き方 (Try to write) :

- | | | |
|------------|-----------|-----------------|
| 7. ー ノ へ | 9. ノ | 11. ノ へ ノ ー |
| 8. ノ ー | 10. ノ ー L | 12. ー ー ー ー |

III. 下線 (Underline) :

- | | | | |
|-----------------|---------------------|------------------|--------------------|
| 5. <u>I</u> V I | 6. I <u>H</u> I H H | 10. Z <u>H</u> L | 11. <u>Z</u> N Z H |
|-----------------|---------------------|------------------|--------------------|

IV. サイズ・オプション (Size Option) :

- | | | | |
|-----------------|-----------------|--------------------|-------------|
| 4. <u>h</u> Z N | 5. <u>i</u> v I | 8. z H I | 9. Z i I |
| 13. Z n | 14. z N | 15. I <u>i</u> H i | 16. z h H I |

V. ハネ・オプション (Wing Option) :

- | | | | |
|------------------------|---------------|---------------|---------------|
| 17. <u>h</u> Z I w z N | 18. h w Z w H | 19. h H Z L w | 20. z N w n n |
|------------------------|---------------|---------------|---------------|

VI. カタカナ (KATAKANA) :

- | | | |
|-----------|--------------------|--------------------|
| シ = n n V | ク = z <u>h</u> Z | ウ = i i <u>H</u> Z |
| ツ = n n Z | タ = n <u>h</u> Z n | ワ = i <u>H</u> Z |
| ン = n V | テ = h H Z | ム = <u>Z</u> V n |
| ソ = n Z | チ = z H Z | マ = <u>H</u> Z n |